

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HK2 NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngành Công nghệ thực phẩm - Khóa 2020 + 2021 + 2022 + 2023 + 2024

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TỈN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
1	D22_CNTP	FT09034	Công nghệ chế biến đồ hộp	2	30	30	0	0	0	0	0	HK8	
2	D22_CNTP	FT03021	Công tác kỹ sư	2	30	15	15	0	0	0	0	HK8	
3	D22_CNTP	FT09151	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	0	0	120	0	0	HK8	
4	D22_CNTP		Bài thi tốt nghiệp cuối khóa sẽ triển khai trong một đợt riêng. Dự kiến sẽ thông báo trong Tháng 03/2026. Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức sau:										
5	D22_CNTP		Chọn 1 trong 2 hình thức sau:										
6	D22_CNTP	(1)	Nhóm thực hiện Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp:										
7	D22_CNTP	FT03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0	0	0	0	0	HK8	
8	D22_CNTP	(2)	Nhóm môn thay thế bài thi tốt nghiệp:										
9	D22_CNTP	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	2	30	30	0	0	0	0	0	HK8	
10	D22_CNTP	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	2	30	30	0	0	0	0	0	HK8	
11	D22_CNTP	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH TP)	1	30	0	0	0	30	0	0	HK8	
12	D23_CNTP	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	3	45	45	0	0	0	0	0	HK6	
13	D23_CNTP	FT03023	Công nghệ chế biến sữa	2	30	30	0	0	0	0	0	HK6	
14	D23_CNTP	FT09032	Công nghệ chế biến lương thực	2	30	30	0	0	0	0	0	HK6	
14	D23_CNTP	FT09018	Công nghệ bao gói	3	45	45	0	0	0	0	0	HK6	
15	D23_CNTP	FT09012	Đánh giá cảm quan	2	30	30	0	0	0	0	0	HK6	
16	D23_CNTP	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	3	45	30	15	0	0	0	0	HK6	
17	D23_CNTP	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30	15	15	0	0	0	0	HK6	
18	D23_CNTP	FT09017	Đồ án CNTP 1: Nguyên liệu thực phẩm	1	45	0	0	0	0	45	0	HK6	
19	D23_CNTP	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	1	45	0	0	0	0	45	0	HK6	
20	D23_CNTP	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
21	D23_CNTP	FT09022	Thực hành Công nghệ bao gói	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
22	D23_CNTP	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	1	30	0	0	0	30	0	0	HK6	
23	D24_CNTP	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	0	HK4	
24	D24_CNTP	GS19010	Tiếng Anh 4	2	45	15	0	30	0	0	0	HK4	
25	D24_CNTP	FT09006	Dinh dưỡng	2	30	15	15	0	0	0	0	HK4	
26	D24_CNTP	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	4	60	45	15	0	0	0	0	HK4	
27	D24_CNTP	FT09008	Phân tích thực phẩm	3	45	30	15	0	0	0	0	HK4	
28	D24_CNTP	FT03009	Phụ gia thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	0	HK4	
29	D24_CNTP	FT09009	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm 1	1	30	0	0	0	30	0	0	HK4	
30	D24_CNTP	FT09010	Thực hành Phân tích thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	HK4	
31	D24_CNTP	FT03030	Kiến tập nhà máy thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	HK4	
32	D24_CNTP		Giáo dục thể chất 3 (tự chọn): chọn 1 trong 5 môn sau:										
33	D24_CNTP	GS93008	Aerobic	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
34	D24_CNTP	GS93009	Bóng bàn cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
35	D24_CNTP	GS93010	Bóng chuyền cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
36	D24_CNTP	GS93011	Bóng rổ cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
37	D24_CNTP	GS93012	Cầu lông cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK4	
38	D24_CNTP	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH) --> SV theo dõi thông báo chi tiết sau.	0	165	90	15	0	60	0	0	HK4	
39	D25_CNTP	GS19008	Tiếng Anh 2	2	45	15	0	30	0	0	0	HK2	

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HK2 NĂM HỌC 2025 - 2026
Ngành Công nghệ thực phẩm - Khóa 2020 + 2021 + 2022 + 2023 + 2024

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
40	D25_CNTP	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0	0	0	0	0	HK2	
41	D25_CNTP	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0	0	0	0	0	HK2	
42	D25_CNTP	FT03005	Vi sinh đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	HK2	
43	D25_CNTP	FT03006	Hóa lý	3	45	30	15	0	0	0	0	HK2	
44	D25_CNTP	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	0	30	0	0	0	HK2	
45	D25_CNTP	FT09002	Hóa học thực phẩm	4	60	60	0	0	0	0	0	HK2	
46	D25_CNTP	FT09004	Thực hành Hóa học thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	HK2	
47	D25_CNTP	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	1	30	0	0	0	30	0	0	HK2	
48	D25_CNTP	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0	45	0	15	0	30	0	0	HK2	
Các lớp môn học mở cho Đại học các khóa học lại:													
1	DH_CNTP_HOCLAI	GS99001	Giáo dục thể chất 1	0	30	0	0	0	30	0	0	-	
2	DH_CNTP_HOCLAI	GS99002	Giáo dục thể chất 2	0	30	0	0	0	30	0	0	-	
3	DH_CNTP_HOCLAI	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	3	45	30	15	0	0	0	0	-	
4	DH_CNTP_HOCLAI	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	0	-	
5	DH_CNTP_HOCLAI	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	1	30	0	0	0	30	0	0	-	
6	DH_CNTP_HOCLAI	AA19001	Vẽ kỹ thuật	3	45	30	15	0	0	0	0	-	
7	DH_CNTP_HOCLAI		Môn Tiếng Anh cuối khóa: Sinh viên xem chi tiết Thông báo số 388-25/TB-DSG-DT ngày 01/10/2025 trên Web/Cổng TTĐT.										
8	DH_CNTP_HOCLAI		Môn học dành cho sinh viên khóa 2020 và 2021 chưa học hoặc đã học nhưng không đạt, sinh viên lựa chọn 1 trong 2 môn sau để đăng ký:										
9	DH_CNTP_HOCLAI	GS00001	Tiếng Anh cuối khóa (có tiền sách): SV chọn đăng ký môn này nếu chưa có sách	0	30	30	0	0	0	0	0	-	
10	DH_CNTP_HOCLAI	GS00002	Tiếng Anh cuối khóa (không có tiền sách): SV chọn đăng ký môn này nếu đã có sách	0	30	30	0	0	0	0	0	-	